

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ
KHOA KẾ TOÁN – KẾ M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ M TOÁN KHOẢN MỨC CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ
CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG KẾ M TOÁN
BCTC DO CÔNG TY TNHH KẾ M TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH
GIÁ AFA THỰC HIỆN

NGUYỄN TẤN PHÁT

KHÓA HỌC: 2015 – 2019

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ
KHOA KẾ TOÁN – KẾ M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**KẾ M TOÁN KHOẢN MỨC CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ
CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG KẾ M TOÁN
BCTC DO CÔNG TY TNHH KẾ M TOÁN VÀ THẾ M ĐỊNH
GIÁ AFA THỰC HIỆN**

Sinh viên thực hiện:

Nguyễn Tấn Phát

Lớp: K49A Kế M Toán

Niên Khóa: 2015 - 2019

Giáo viên hướng dẫn:

ThS. Phạm Thị Hồng Quyên

HUẾ, 05/2019

L I C M N

Đ hoàn thành t bài lu văn này, tôi đã nh n đ c r t nhi u s giúp đ t quý th y cô, Ban lãnh đ o công ty TNHH K m toán và Th m đ nh giá AFA cùng v i các anh ch phòng K m toán Báo cáo tài chính c a công ty.

Tr c h t, tôi xin bày t lòng kính tr ng và bi t n đ n quý th y cô giáo tr ng Đ i h c Kinh t Hu nói chung và các thầy cô trong khoa K toán – K m toán nói riêng đã t n tình gi ng d y và cung c p cho tôi nh ng ki n th c trong nh ng năm h c v a qua làm c s n n t ng đ tôi có th hoàn thành t t đ tài này. Đ c bi t tôi xin g i l i c m n chân thành t i cô Ph m Th H ng Quyên đã t n tình h ıng d n tôi hoàn thành bài lu văn này.

Qua đây, tôi cũng xin c m n Ban lãnh đ o Công ty TNHH K m toán và Th m đ nh giá AFA, đ c bi t là các anh ch k m toán viên phòng K m toán Báo cáo tài chính đã t o đ iu ki n đ tôi t p xúc v i th c t quá trình k m toán cũng nh cung c p cho tôi r t nhi u tài li u và nhi t tình ch d n đ tôi có đ c nh ng nh n th c đ ng đ n trong quá trình hoàn thành bài lu văn.

Cu i cùng tôi xin g i l i c m n đ n gia đ nh, b n bè – nh ng ng i đã luôn đ ng hành, chia s , đ ng viên, giúp đ đ tôi có th hoàn thành t t khóa lu n t t nghi p c a mình.

M t l n n a, tôi xin chân thành c m n.

Hu , tháng 05 năm 2019

Sinh viên th c hi n

Nguy n T n Phát

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Hệ thống tài khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	7
Bảng 2.1: Phân tích số báo TK 641 và 642.....	32
Bảng 2.2 – Table xác định mức trình bày yêu cầu trình bày thông tin về các chỉ tiêu	35
Bảng 2.3 – Bảng hướng dẫn cách xác định trình bày yêu cầu.....	35
Bảng 2.4: So sánh chi phí năm nay với năm trước, kết hợp với biến động doanh thu của doanh nghiệp	40
Bảng 2.5: Phân tích chi phí quản lý doanh nghiệp.....	41
Bảng 2.6: Phân tích chi phí bán hàng.....	42
Bảng 2.7: Chi phí quản lý bất thường	45
Bảng 2.8: Chi phí bán hàng được kiểm tra.....	47
Bảng 2.9: Chi phí quản lý được kiểm tra	48
Bảng 2.10: Thuyết minh kiểm tra tại công ty CP ABC.....	49

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tổng quát chi phí bán hàng	9
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán tổng quát chi phí quản lý doanh nghiệp	10
Sơ đồ 2.1 – Cấu trúc chính của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA.....	27

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BCKQKD	Báo cáo kết quả kinh doanh
BCTC	Báo cáo tài chính
BGD	Ban giám đốc
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BQT	Ban quản trị
CĐPS	Cân đối phát sinh
CPBH	Chi phí bán hàng
CP	Cổ phần
CPQLDN	Chi phí quản lý doanh nghiệp
GĐ	Giám đốc
GTGT	Giá trị gia tăng
KSNB	Kiểm soát nội bộ
KTV	Kiểm toán viên
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
MTY	Mức tăng trưởng
TGD	Tổng giám đốc
TM	Thị trường
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
VCSH	Vốn chủ sở hữu

Trình Đ i h c Kinh t Hu

Tailieu.vn

M C L C

L I C M N	i
DANH M C B NG BI U	ii
DANH M C S Đ	iii
DANH M C CÁC CH VI T T T	iv
M C L C	v
PH N I. Đ T V N Đ	1
1. Lý do ch n đ tài	1
2. M c tiêu nghiên c u	1
2.1. M c tiêu t ng quát	1
2.2 m c tiêu c th 	2
3. Đ i t ng nghiên c u	2
4. Ph ng pháp nghiên c u	2
4.1. Ph ng pháp thu th p d li u	2
4.2. Ph ng pháp x lý s li u	2
5. Ph m vi nghiên c u	3
5.1. Ph m vi không gian	3
5.2. Ph m vi th i gian	3
1.6. K t c u khóa lu n	3
PH N II. N I DUNG VÀ K T QU NGHIÊN C U	4
CH NG 1. C S LÝ LU N V KI M TOÁN KHO N M C CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QU N LÝ DOANH NGHIỆP	4
1.1. Khái quát v CPBH và CPQLDN trong ki m toán bctc	4
1.1.1. Khái ni m và đ c đ m c a CPBH và CPQLDN trong h th ng BCTC	4
1.1.1.1. Chi phí bán hàng	4
1.1.1.2. Chi phí qu n lý doanh nghiệp	5
1.1.2. Đ c đ m h ch toán CPBH và CPQLDN	6
1.1.2.1. Ch ng t s d ng	8
1.1.2.2. Vi c h ch toán hai lo i chi phí này đ c mô t theo s đ 1.1 và 1.2	9
.....	9

1.1.3. Vai trò của CPBH và CPQLDN trong chi phí sản xuất kinh doanh	11
1.2. Những vấn đề cơ bản về kiểm toán CPBH và CPQLDN trong kiểm toán báo cáo tài chính	12
1.2.1. Những hạn chế của CPBH và CPQLDN trong kiểm toán BCTC	12
1.2.2. Mục tiêu kiểm toán CPBH và CPQLDN.....	13
1.2.3. Nội dung kiểm toán CPBH và CPQLDN	14
1.1.4. Khảo sát KSNB khoản mục CPBH và CPQLDN trong kiểm toán BCTC	15
1.1.4.1. Mục tiêu khảo sát.....	15
1.1.4.2. Nội dung khảo sát.....	16
1.1.4.3. Phương pháp khảo sát.....	16
1.1.5. Những sai phạm thường gặp khi kiểm toán CPBH và CPQLDN	17
1.1.5.1. Những chi phí phản ánh trên báo cáo, sổ sách thiếu hụt chi phí thực tế	17
1.1.5.2. Những chi phí phản ánh trên báo cáo, sổ sách lớn hơn chi phí thực tế.....	18
1.2. Quy trình kiểm toán CPBH, CPQLDN trong kiểm toán BCTC	18
1.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán.....	18
1.2.1.1. Thời gian kế hoạch	18
1.2.1.2. Lập kế hoạch kiểm toán.....	19
1.2.2. Thực hiện kiểm toán.....	21
1.2.3. Kết thúc kiểm toán.....	22
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ AFA.....	23
2.1. Giới thiệu về công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá AFA	23
2.1.1. Quá trình thành lập	23
2.1.2. Phạm vi kinh doanh	23
2.1.3. Ngành nghề và dịch vụ kinh doanh	23
2.1.3.1. Kiểm toán và soát xét bctc.....	24
2.1.3.2. Kiểm toán quy trình toán và đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	24
2.1.3.3. Dịch vụ kế toán.....	24

2.1.3.4. Dịch vụ tín dụng thu	25
2.1.3.5. Dịch vụ thẩm định giá	25
2.1.3.6. Dịch vụ chuyên ngành khác	25
2.1.4. Văn phòng công ty	26
2.1.4.1. Trụ sở chính	26
2.1.4.2. Chi nhánh	26
2.1.5. Cơ cấu tổ chức	27
2.1.6. Phương pháp hạch toán	27
2.1.6.1. Đánh giá và chấp nhận khách hàng	27
2.1.6.2. Kế hoạch kế toán	28
2.1.6.3. Các thủ tục nghiệp vụ – giao dịch, tài khoản và thuyết minh	28
2.1.6.4. Các thủ tục nghiệp vụ hạch toán doanh nghiệp	29
2.1.6.5. Hoàn thành và kết thúc	29
2.2. Kế toán khoan mục cpbh và cpqldn trong bctc tài trợ tín dụng khách hàng – công ty cp abc	29
2.2.1. Lập kế hoạch kế toán	30
2.2.1.1. Đánh giá khả năng chấp nhận khách hàng	30
2.2.1.2. Lập hợp đồng kế toán	30
2.2.1.3. Lựa chọn nhóm kế toán	31
2.2.1.4. Tìm hiểu môi trường hoạt động của khách hàng	31
2.2.1.5. Đánh giá rủi ro	32
2.2.1.6. Tìm hiểu kiểm soát nội bộ đối với cpbh và cpqldn	32
2.2.1.7. Đánh giá rủi ro có sai phạm trong yêu cầu đối với chi phí bán hàng và quản lý	34
2.2.1.8. Xác định mức trích yêu cầu cho khoan mục CPBH và CPQLDN	34
2.2.2. Thủ tục hạch toán tài CPBH và CPQLDN tài AFA	39
2.2.2.1. Thủ tục nghiệp vụ kiểm soát	40
2.2.2.2. Thủ tục phân tích chênh lệch	40
2.2.2.3. Thủ tục nghiệp vụ chi tiêu	42
2.2.3. Kết thúc kế toán khoan mục chi phí bán hàng và quản lý	51

2.2.3.1. Xem xét các số liệu phát sinh sau ngày khóa sổ kinh doanh đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý.....	51
2.2.3.2. Đánh giá tình hình công nợ kinh tế toán.....	51
2.2.3.3. Kết luận kiểm toán.....	52
CHƯƠNG 3. MÔ TẢ GIỚI PHẠP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỨC CPBH VÀ CPQLDN TRONG KIỂM TOÁN BCTC TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ AFA	53
3.1 Nhìn xét về thực tế công tác kiểm toán cpbh và cpqldn của afa	53
3.1.1. Ưu điểm	53
3.1.2. Hạn chế	53
3.1.3 Mô tả sơ giới pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mức CPBH và CPQLDN trong BCTC tại công ty AFA.	54
3.1.3.1. Hoàn thiện quy trình xác định mức trọng yếu cho khoản mức	54
3.1.3.2. Hoàn thiện thủ tục chọn mẫu.....	56
3.1.3.3. Hoàn thiện thủ tục phân tích.....	59
PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	60
1. Kết luận chung và nội dung nghiên cứu.....	60
2. Mô tả các kiến nghị và đề xuất.....	60
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	62

Trình Đ i h c Kinh t Hu

TaiLieu.vn

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa như ngày nay với nền kinh tế ngày càng phát triển mạnh mẽ và ra đời khu vực hàng tiêu dùng thì thông tin đóng một vai trò hết sức quan trọng. Bất kỳ một lĩnh vực, hoạt động gì thì thông tin luôn là cái đầu tiên và tốt yếu mà ai cũng mong muốn có được. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh thông tin và báo cáo tài chính, tình hình hoạt động của công ty luôn được quan tâm hết mức bởi nó không chỉ phản ánh cho đời sống trong nội bộ doanh nghiệp mà còn là cơ sở cho các đời sống khác có liên quan với doanh nghiệp đưa ra các quyết định của mình. Do vậy một yêu cầu được đặt ra là thông tin phản ánh trên báo cáo tài chính phải trung thực, khách quan và chính xác. Chính vì điều đó mà kiểm toán báo cáo tài chính ra đời nhằm đưa ra ý kiến và tính khách quan, chính xác, trung thực của thông tin trên báo cáo tài chính. Kiểm toán báo cáo tài chính là một bộ phận của kiểm toán độc lập, được áp dụng cho tất cả các khoản mục, chu trình diễn ra trong mỗi doanh nghiệp.

Một trong những dịch vụ quan trọng hàng đầu mà các công ty kiểm toán cung cấp cho khách hàng phải kể đến dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính. Chi phí bán hàng (CPBH) và Chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN) tuy chỉ là chi phí gián tiếp đối với quá trình sản xuất nhưng lại là nhân tố cấu thành nên giá thành tiêu thụ của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, ảnh hưởng một cách trực tiếp và thông qua tới lợi nhuận xác định thu nhập chịu thuế trên BCKQKD của doanh nghiệp. Vì vậy CPBH và CPQLDN có vai trò hết sức quan trọng và ảnh hưởng nhất định đến cuộc sống kiểm toán BCTC, đòi hỏi phải có sự chú trọng khi tiến hành kiểm toán khoản mục này. Với ý nghĩa và vai trò như trên cũng như qua quá trình thực tập và kiến thức đã học tôi chọn nghiên cứu đề tài “Kiểm toán khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kiểm toán BCTC do công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA thực hiện”.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu của đề tài là tìm hiểu việc vận dụng các thủ tục nghiệp vụ kế toán trong kiểm toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý Doanh nghiệp của các Công ty khách hàng do

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA thực hiện, từ đó đưa ra giải pháp góp phần hoàn thiện.

2.2 Mục tiêu của thực

Thực hiện, tổng hợp và hệ thống hóa các lý luận về Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý Doanh nghiệp; quy trình kiểm Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý Doanh nghiệp trong kiểm toán BCTC.

Thứ hai, tìm hiểu thực tế quy trình kiểm toán khoản mục Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý Doanh nghiệp trong BCTC tại công ty kiểm toán TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA.

Thứ ba, nhận xét và đề xuất giải pháp nhằm khắc phục hạn chế và góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý Doanh nghiệp tại công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA.

3. Đối tượng nghiên cứu

Kiểm toán khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kiểm toán BCTC do công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA thực hiện.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Thu thập số liệu thống kê tại công ty;
- Trực tiếp tham gia cùng các đoàn đi kiểm toán công ty khách hàng với vai trò là trợ lý kiểm toán.
- Phỏng vấn, lấy ý kiến chuyên gia: Tiến hành trao đổi trực tiếp với những người cung cấp thông tin, dữ liệu, nhằm tìm hiểu các thông tin liên quan đến đề tài nghiên cứu; và
- Quan sát thực tế tại công ty.

4.2. Phương pháp xử lý số liệu

Sau khi đã thu thập được số liệu, ta tiến hành tổng hợp, phân tích, để chiểu số liệu kết hợp với những kiến thức và kinh nghiệm thực tế có được và

quy trình kiểm toán khoản mục CPBH và CPQLDN để từ đó có nhđng đánh giá và đđ xuđt nhđm hoàn thiđn quy trình kiểm toán khoản mục CPBH và CPQLDN tđi công ty Kiểm toán AFA.

5. Phạm vi nghiên cứu

5.1. Phạm vi không gian

Đđ tài đđđ c thđ c hiđn tđi công ty TNHH Kiểm toán và Thđm đđnh giá AFA, phòng kiểm toán báo cáo tài chính.

5.2. Phạm vi thời gian

Sđ liđu thđ c hiđn tđi công ty khách hàng cho năm tài chính kđt thúc vào ngày 31/12/2018. Thđ i gian nghiên cứu bđt đđu tđ ngày 1/01/2019 đđn ngày 25/04/2019.

1.6. Kết cấu khóa luận

Đđ tài gđm 3 chđđng chính sau:

Chđđng 1. Cđ sđ lý luđn vđ kiểm toán khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quđn lý doanh nghiđp.

Chđđng 2. Thđ c trđng quy trình kiểm toán khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quđn lý doanh nghiđp trong kiểm toán báo cáo tài chính tđi công ty TNHH kiểm toán AFA.

Chđđng 3. Mđt sđ gđi pháp góp phđn hoàn thiđn quy trình kiểm toán khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quđn lý doanh nghiđp trong kiểm toán bctc tđi công ty TNHH kiểm toán AFA.

PHẦN II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KỸ THUẬT TOÁN KHOẢN MỨC CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát về CPBH và CPQLDN trong kế toán BCTC

<https://tintucketoan.com>

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của CPBH và CPQLDN trong kế toán BCTC

Chi phí sản xuất kinh doanh là biểu hiện bằng tiền của các chi phí và lao động sống, lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm). Căn cứ vào hoạt động của quá trình sản xuất kinh doanh, chi phí được chia làm 3 loại:

- Chi phí sản xuất;
- Chi phí bán hàng; và
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.1.1.1. Chi phí bán hàng

Là những chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình bán hàng hóa sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bưu hành sản phẩm hàng hóa (trả hoạt động xây lắp), chi phí bưu quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí bán hàng có 7 loại:

- Chi phí nhân viên bán hàng: là tất cả các khoản tiền phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bưu quản hàng hóa, vận chuyển đi tiêu thụ sản phẩm và các khoản trích theo lương (BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ) các khoản trích theo lương (BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ);
- Chi phí vật liệu bao bì: bao gồm các chi phí vật liệu liên quan đến bán hàng như: vật liệu bao gói, vật liệu dùng cho nhân viên bán hàng, vật liệu dùng cho sala chờ khách hàng;

- Chi phí dùng cốp, đồ dùng: là các loại chi phí cho dùng cốp cân, đo đong đếm, bàn ghế, máy tính cầm tay...phải có cho bán hàng;
- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng (nhà cửa, kho bãi, phương tiện vận chuyển...);
- Chi phí bỏ hành sãn phẩm: là chi phí chi cho sãn phẩm trong thời gian bỏ hành theo hợp đồng;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các chi phí dịch vụ mua ngoài cho sãn phẩm của TSCĐ, tiền thuê kho bãi, thuê bốc vác, vận chuyển hàng hóa đến tiêu thụ, tiền hoa hồng cho đại lý bán hàng, hoa hồng cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu; và
- Chi phí bán hàng khác: là các chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng ngoài các chi phí kể trên như chi phí tiếp khách, chi phí gửi thiêu sãn phẩm, hàng hóa, chi phí hội nghị khách hàng.

1.1.1.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Là những khoản chi phí phát sinh liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của đơn vị mà không tách riêng cho hoạt động nào.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm tiền lương nhân viên quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...) các khoản trích theo lương (BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ) của nhân viên quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê môn bài, đồ phòng khoản phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (chi phí đi, ăn, đi, fax, báo hình cháy nổ...) chi phí bán hàng khác (hội nghị, tiếp khách...)

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các yếu tố chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: Tiền lương cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban trong doanh nghiệp và các khoản trích theo lương (BHYT, BHTN, BHXH, KPCĐ) trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định;
- Chi phí vật liệu quản lý: là giá trị thực tế các vật liệu xuất dùng cho hoạt động của ban giám đốc, các phòng ban của doanh nghiệp, dùng cho hoạt động của các TSCĐ...dùng chung cho hoạt động quản lý của doanh nghiệp;

- Chi phí dùng văn phòng: là chi phí về dùng văn phòng, dùng để dùng cho công tác quản lý chung của đơn vị; và
- Chi phí khu hao TSCĐ: là chi phí khu hao các tài sản dùng cho hoạt động quản lý doanh nghiệp: văn phòng, vật kiến trúc, kho tàng, phương tiện vận chuyển; và
- Thuế, phí lệ phí: là các khoản thuế nhà đất, thuế môn bài và các khoản phí, lệ phí giao thông của pháp; và
- Chi phí đồ phòng: là các khoản đồ phòng mà phải thu khó đòi, đồ phòng mà phải trả tính vào chi phí sản xuất kinh doanh;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài phục vụ chung toàn doanh nghiệp như: tiền điện, nước, và sinh, thuê sử dụng TSCĐ, tiền mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng phát minh sáng chế, phân bố dân (không được điếu kiến ghi nhận là TSCĐ), chi phí trả cho nhà thầu phụ; và
- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi khác bằng tiền ngoài các khoản kể trên như chi hội nghị tiếp khách, chi đào tạo cán bộ, chi công tác phí và các khoản chi khác.

1.1.2. Đối chiếu hạch toán CPBH và CPQLDN

Nguyên tắc và yêu cầu kế toán cần tuân thủ trong việc ghi nhận các yếu tố trên báo cáo tài chính là trung thực, hợp lý và hợp pháp. Đối với việc hạch toán CPBH, CPQLDN thì cần chú trọng các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán: Các nguyên tắc và phương pháp doanh nghiệp áp dụng phải thống nhất ít nhất trong vòng một năm tài chính như chính sách khu hao, chính sách phân bổ;
- Nguyên tắc thận trọng: Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các số liệu tính kế toán trong điều kiện không chắc chắn. Như vậy, kế toán phải phản ánh ngay chi phí khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí và không được phản ánh thấp hơn hay cao hơn giá trị thực của khoản chi phí đó;
- Nguyên tắc phù hợp: Ghi nhận doanh thu, chi phí phải phù hợp với nhau tức là khi ghi nhận một khoản doanh thu thì đồng thời ghi nhận một khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó;
- Nguyên tắc trung thực: Thông tin được coi là trung thực trong trường hợp nếu thiếu thông tin đó hoặc thiếu chính xác của thông tin đó làm sai lệch đáng kể thông tin

trình bày trên BCTC, làm minh chứng quyết định của người sử dụng thông tin trên BCTC;

- Nguyên tắc kỳ kế toán: Chi phí phát sinh trong kỳ nào thì hạch toán vào đúng kỳ đó; và

- Nguyên tắc chi phí: CPBH, CPQLDN hạch toán theo chi phí thực tế mà doanh nghiệp chi ra, không phải thu về giá trị thị trường, chú ý phân bổ chi phí giữa các kỳ.

Hệ thống tài khoản

Theo chế độ kế toán hiện hành, tài khoản 641, tài khoản 642 được chia thành các tiểu khoản sau:

Bảng 1.1: Hệ thống tài khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu	Tên tài khoản
641	Chi phí bán hàng
6411	Chi phí nhân viên
6412	Chi phí vật liệu – bao bì
6413	Chi phí đóng gói - đóng gói
6414	Chi phí khấu hao TSCĐ
6415	Chi phí bảo hành
6417	Chi phí dịch vụ mua ngoài
6418	Chi phí bằng tiền khác
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp
6421	Chi phí nhân viên quản lý
6422	Chi phí vật liệu – bao bì
6423	Chi phí đóng gói - đóng gói
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ
6425	Thuế, phí và lệ phí
6426	Chi phí đồ phòng
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài
6428	Chi phí bằng tiền khác

Ngoài ra có các tài khoản liên quan đến phần ánh CPBH, CPQLDN như: TK 111, 112, 141, 142, 242, 331, 334...

1.1.2.1. Chi phí tài sản

Chi phí tài sản được hạch toán CPBH, CPQLDN liên quan đến nhiều phần hành khác nhau:

- Chi phí tài sản tài chính: Phí thu, phí chi, giấy báo nợ, giấy báo có, biên bản xác nhận, các quy định đi kèm;
- Chi phí phân bổ chi phí trả trước: Chính sách phân bổ chi phí, bảng tính việc phân bổ, các chi phí khác liên quan đến việc hình thành chi phí;
- Chi phí tài sản hàng tồn kho: Các phí nhập- xuất hàng hóa, bảng kê mua hàng;
- Chi phí tài sản cố định: Chi phí và quy định mua sắm liên quan đến việc hình thành TSCĐ, bảng tính phân bổ khấu hao, biên bản bàn giao, biên bản thanh lý TSCĐ; và
- Chi phí tài sản nhân viên: Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

Tùy theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, TK 641, 642 có thể được mở thêm một số tài khoản khác để theo dõi các khoản chi phí thuộc về quản lý doanh nghiệp.

Khi hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp thì cần đảm bảo một số nguyên tắc:

- Kiểm toán chi phí phải tính toán ghi chép, phần ánh một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản chi phí thuộc chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp. Qua đó kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch chi phí nhằm đảm bảo chi đúng, chi có hiệu quả;
- Tập hợp và phân bổ đúng đến các khoản chi phí phát sinh theo đúng đối tượng chi phí; và